

Catalyst portfolio of ThalesNano Inc.

Catalyst type		THS Codes for ordering			
		MicroCart	30x4mm CatCart	70x4mm CatCart	MidiCart
Inert	Quartz sand	THS-01049	THS-01010	THS-01030	THS-D1040
	Titanium	-	THS-01110	THS-01130	THS-D1140
Palladium	10% Pd/C	THS-01141	THS-01111	THS-01131	THS-D1141
	20% Pd(OH) ₂ /C	THS-01145	THS-01115	THS-01135	THS-D1145
	5% Pd/Al ₂ O ₃	THS-01148	THS-01118	THS-01138	THS-D1148
	10% Pd/CaCO ₃	-	THS-01511	THS-01531	-
	5% Pd/CaCO ₃	-	THS-01512	THS-01532	-
	5% Pd/BaCO ₃	-	THS-01513	THS-01533	-
	5% Pd/C (sulfided)	THS-01841	THS-01811	THS-01831	-
	5% Pd/C	THS-02141	THS-02111	THS-02131	THS-D2141
	5% Pd/CaCO ₃ (Pb) / Lindlar's	THS-02144	THS-02114	THS-02134	-
	5% Pd/BaSO ₄	THS-03142	THS-03112	THS-03132	THS-D3142
	1% Pd/Al ₂ O ₃	THS-03148	THS-03118	THS-03138	THS-D3148
	10% Pd/Al ₂ O ₃	THS-03149	THS-03119	THS-03139	-
	Pd/C-ethylenediamine	THS-04142	THS-04112	THS-04132	-
	5% Pd/SiO ₂	THS-04144	THS-04114	THS-04134	THS-D4144
	1% Pd/C	THS-04145	THS-04115	THS-04135	-
	2% Pd/SrCO ₃	THS-04146	THS-04116	THS-04136	-
	PdO	THS-04148	THS-04118	THS-04138	THS-D4148
	Pd black	THS-04149	THS-04119	THS-04139	THS-D4149
Platinum	10% Pt/C	THS-01143	THS-01113	THS-01133	THS-D1143
	1% Pt/SiO ₂	THS-01444	THS-01414	THS-01434	THS-D1444
	1% Pt/SiO ₂ - polyethyleneimine	THS-01445	THS-01415	THS-01435	THS-D1445
	5% Pt/C (doped with Bi)	THS-01446	THS-01416	THS-01436	THS-D1446
	1% Pt/C (doped with V)	THS-01449	THS-01419	THS-01439	THS-D1449
	5% Pt/CaCO ₃	-	THS-01519	THS-01539	-
	1% Pt/SBA	-	THS-01617	THS-01637	-
	5% Pt/Al ₂ O ₃	THS-02143	THS-02113	THS-02133	THS-D2143
	5% Pt/C (sulfided)	THS-02147	THS-02117	THS-02137	-
	1% Pt/Al ₂ O ₃	THS-04147	THS-04117	THS-04137	-
	1% Pt/C	THS-06145	THS-06115	THS-06135	THS-D6145
	5% Pt/C	THS-08142	THS-08112	THS-08132	THS-D8142
	Nickel	Raney Nickel	THS-01142	THS-01112	THS-01132
Nickel Sponge		-	THS-01417	THS-01437	THS-D1447
PriCat® Ni 55/5P		THS-03143	THS-03113	THS-03133	-
Nickel Sponge (1% Mo)		THS-03144	THS-03114	THS-03134	THS-D3144
Ni/SiO ₂ -Al ₂ O ₃		THS-04143	THS-04113	THS-04133	-

For further information please contact us at catcart@thalesnano.com

Catalyst portfolio of ThalesNano Inc.

Catalyst type		THS Codes for ordering			
		MicroCart	30x4mm CatCart	70x4mm CatCart	MidiCart
Rhodium	5% Rh/C	THS-01144	THS-01114	THS-01134	THS-D1144
	1% Rh/SiO ₂ - polyethyleneimine	-	THS-01412	THS-01432	-
	5% Rh/Al ₂ O ₃	THS-02148	THS-02118	THS-02138	THS-D2148
Ruthenium	Ru Black	-	THS-01518	THS-01538	-
	5% Ru/Al ₂ O ₃	THS-02142	THS-02112	THS-02132	THS-D2142
	5% Ru/C	THS-02145	THS-02115	THS-02135	THS-D2145
	RuO ₂	THS-05148	THS-05118	THS-05138	-
Gold	1% Au/Fe ₂ O ₃	-	THS-01616	THS-01636	-
	1% Au/C	-	THS-01618	THS-01638	-
	1% Au/TiO ₂	-	THS-01619	THS-01639	THS-D1649
Copper	Raney Copper	THS-01147	THS-01117	THS-01137	THS-D1147
	CuO/Al ₂ O ₃	-	THS-01311	THS-01331	-
	Copper powder in graphite	-	THS-01819	THS-01839	-
Cobalt	Raney Cobalt	THS-01146	THS-01116	THS-01136	THS-D1146
Iridium	0.5% Ir/C	-	THS-01413	THS-01433	-
	1% Ir/C	THS-04141	THS-04111	THS-04131	-
	IrO ₂	THS-05149	THS-05119	THS-05139	-
	5% Ir/CaCO ₃	THS-06146	THS-06116	THS-06136	-
Zinc	Zinc powder	-	THS-08112	THS-08132	-
Rhenium	5% Re/C	THS-02146	THS-02116	THS-02136	-
Mixed Metals	1% Pd - 0.3% Cu/Al ₂ O ₃	-	THS-01514	THS-01534	-
	PriCat® CZ 30/18T (Cu+Zn)	THS-01943	THS-01913	THS-01933	THS-D1943
	5% Pd - 1% Fe/C	THS-03145	THS-03115	THS-03135	-
	2.5% Pd - 2.5% Pt/C	THS-03146	THS-03116	THS-03136	-
	0.5% Pd - 4.5% Ru/C	THS-03147	THS-03117	THS-03137	-
Complex Catalysts	Pt(0) EnCat®	-	THS-01515	THS-01535	-
	Rh(COD)(dppf)/SiO ₂	-	THS-01615	THS-01635	-
	Pd(0) EnCat® NP30	THS-03141	THS-03111	THS-03131	-
	Pd(II) EnCat® 30	THS-05141	THS-05111	THS-05131	-
	Pd(II) EnCat® TPP30	THS-05142	THS-05112	THS-05132	-
	Pd(II) EnCat® BINAP30	THS-05143	THS-05113	THS-05133	-
	Pd(PPh ₃) ₄ - DVB bounded	THS-05144	THS-05114	THS-05134	-
	Pd(II) EnCat® TOTP30	THS-05145	THS-05115	THS-05135	-
	RhCl(PPh ₃) ₄	THS-05147	THS-05117	THS-05137	-
	PdCl ₂ (PPh ₃) ₂ - DVB bounded	-	THS-06117	THS-06137	-
SiliaCat® - DPP-Pd	-	THS-08818	THS-08838	-	

For further information please contact us at catcart@thalesnano.com

Catalyst portfolio of ThalesNano Inc.

Catalyst type		THS Codes for ordering			
		MicroCart	30x4mm CatCart	70x4mm CatCart	MidiCart
Scavengers	Triamine tetraacetate, silica-suppo	-	THS-01312	-	-
	Quadrapure® TU	-	THS-01313	-	-
	Quadrapure®-AEA	-	THS-01314	-	-
	Quadrapure®-AMPA	-	THS-01315	-	-
	Quadrapure®-IDA	-	THS-01316	-	-
	Quadrapure®-IMDAZ	-	THS-01317	-	-
	Quadrapure®-MPA	-	THS-01318	-	-
	Quadrasil®-AP	-	THS-01319	-	-
	Quadrasil®-TA	-	THS-01320	-	-
	Quadrasil®-MTU	-	THS-01321	-	-
	Quadrasil®-MP	-	THS-01322	-	-
	Quadrasil®-PHI	-	THS-01323	-	-
	Quadrapure®-PHE	-	THS-01324	-	-
	Mercaptopropyl modified silica	-	THS-01710	THS-01730	-
	Amberlite® IR-120	-	THS-01716	-	-
	Amberlyst® 36 resin	-	THS-08113	THS-08133	-
	Amberlite® IRA-910	-	THS-08114	-	-
	Amberlyst® 35 Dry resin	-	THS-08117	THS-08137	-
QuadraPure™-BZA	-	-	THS-X1164	-	
Other	NaIO ₄	-	THS-01813	THS-01833	-
	n-Bu ₄ NIO ₄	-	THS-01814	THS-01834	-

For further information please contact us at catcart@thalesnano.com